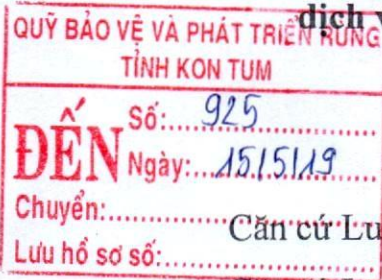


QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Tờ trình số 09/TTr-QBVPR ngày 13 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hình thức, mức chi trả và thời gian chi trả:

1. Hình thức chi trả: Chi trả gián tiếp thông qua hợp đồng ủy thác với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

2. Mức chi trả: Các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy định tại Khoản 3 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

3. Thời gian chi trả: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 (đối với những trường hợp bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng hoạt động sau ngày 01 tháng 01 năm 2019 thì thời điểm chi trả được tính từ ngày có hoạt động sản xuất kinh doanh).

Điều 3. Giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

1. Ký kết hợp đồng ủy thác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng tại Điều 1 Quyết định này.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 4. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Các tổ chức có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- HDQL Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTN3.

u

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tháp

**DANH DẠCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG NƯỚC TỪ NGUỒN
NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHẢI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**
(Kèm theo Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)



| ST T | Tên chủ cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp | Địa chỉ | Tên, vị trí công trình khai thác, sử dụng nước | | | | Mục đích khai thác, sử dụng nước | Tên sông, suối khai thác |
|---------|---|--|--|-------------------|-------------|-----------------|---|------------------------------------|
| | | | Tên công trình | Thôn | Phường/xã | Huyện/Thành phố | | |
| 1 | Cty TNHH MTV Cao su Kon Tum | 639 Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su Ia Chim | Thôn Tân An | Xã Ia Chim | TP. Kon Tum | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối Ia Bron |
| | | | Nhà máy chế biến mù cao su Ia Chim | Thôn Nghĩa An | Xã Ia Chim | TP. Kon Tum | Cấp nước cho Nhà máy chế biến mù cao su Ia Chim | Suối Ya Bron |
| | | | Nhà máy chế biến mù cao su Ngọc Hồi | Thôn Nông Nhảy II | Xã Đăk Nông | Ngọc Hồi | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối nhỏ |
| 2 | Công ty TNHH Vạn Lợi | 01D, Trần Nhân Tông, P. Thắng Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su | Thôn 1 | Xã Kroong | TP. Kon Tum | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Sông Đăk Bla |
| 3 | Công ty TNHH MTV Thuận Lợi | Thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su Thuận Lợi | Thôn 5 | TT Plei Kần | Ngọc Hồi | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối Đăk Kal và nhánh suối Đăk Kal |
| 4 | Công ty TNHH MTV 78 | Làng KĐin, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su số 6 | Tiểu khu 673 | Xã Mô Rai | Sa Thầy | Phục vụ nhà máy chế biến mù cao su | Suối Ia Tri |
| 5 | Công ty TNHH SX-DV-TM An Phú Thịnh Kon Tum | Thôn Nhon Đức, xã Sa Nhon, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su APT - Kon Tum | Thôn Nhon Bình | Xã Sa Nhon | Sa Thầy | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối nhỏ |
| 6 | Công ty cổ phần cao su Sa Thầy | 380E, đường Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su Sa Thầy | | Xã Ia Dal | Ia H'Drai | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối nhỏ |
| 7 | Công ty cổ phần cao su Hiệp Hưng | Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su | Thôn 6 | Xã Kon Đào | Đăk Tô | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Sông Đăk Tờ Kan |

| ST T | Tên chủ cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp | Địa chỉ | Tên, vị trí công trình khai thác, sử dụng nước | | | | Mục đích khai thác, sử dụng nước | Tên sông, suối khai thác |
|---------|---|---|---|-------------------|---------------|-------------------|--|---|
| | | | Tên công trình | Thôn | Phường/xã | Huyện/Thành phố | | |
| 8 | Công ty TNHH Cao su Đại Lợi Kon Tum | 694 Hùng Vương, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến mù cao su Đại Lợi | Thôn Nông Nhảy II | Xã Đăk Nông | Ngọc Hồi | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối Nhỏ |
| 9 | Chi nhánh Cty CPNSTP Quảng Ngãi | Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến cùi và tinh bột sắn | Thôn 1 | Xã Tân Cảnh | Đăk Tô | Phục vụ sản xuất | Sông Pô Kô |
| 10 | Chi nhánh Công ty Cổ phần tinh bột sắn Fococev | Thôn Nông Nhảy 2, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum | Nhà máy tinh bột sắn Kon Tum | Thôn Nông Nhảy 2 | Xã Đăk Nông | Ngọc Hồi | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Sông Pô Kô |
| 11 | Công ty TNHH tinh bột sắn Tây Nguyên - Đăk Hà | Thôn Kon Gung, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến tinh bột sắn | Thôn Kon Gung | Xã Đăk Mar | Đăk Hà | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối nhỏ (thuộc lòng hồ thủy điện Plei Krông) |
| 12 | Công ty Cổ phần XNK nông sản ViNa | Thôn Nhơn Bình, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến tinh bột sắn ViNa Kon Tum | Thôn Nhơn Bình | Xã Sa Nhơn | Sa Thầy | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối Đăk Sia |
| 13 | Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum | Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Nhà máy chế biến tinh bột sắn | Thôn Bình Giang | Xã Sa Bình | Sa Thầy | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Sông Pô Kô |
| 14 | Công ty cổ phần Fococev Tây Nguyên | Thôn 11, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum | Khai thác, sử dụng nước mặt dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn | Thôn 11 | Xã Đăk Ruồng | Kon Rẫy | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối nhỏ (Suối Đăk Năng) |
| 15 | Công ty TNHH Phương Hoa | Thôn Đăk Sút, xã Đăk Kroong, huyện ĐăkGlei | Cơ sở chế biến sản phẩm tinh bột từ nông sản | Thôn Đăk Sút | Xã Đăk Kroong | Đăk Glei | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Suối Đăk Đanh, sông Pô Kô và suối nhỏ |
| 16 | Công ty CP Tấn Phát | Lô T2, KCN Hòa Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Công trình khai thác, chế biến quặng vàng | Thôn Đăk Book | Xã ĐăkBlô | Đăk Glei | Phục vụ khai thác, chế biến quặng vàng | Suối nhỏ |
| 17 | Công ty cổ phần Đường Kon Tum | Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Nhà máy đường Kon Tum | Thôn Kon Rờ Bàng | Xã Vinh Quang | Thành phố Kon Tum | Phục vụ sản xuất, sinh hoạt | Sông Đăk Bla |